

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CR
TỈNH KH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CR, TỈNH KH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CR.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CR tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CR xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 160/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà PTHH, sinh năm: 1996

Nơi cư trú: KP 6, phường PĐ, thành phố TH, tỉnh PY. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông ĐCB, sinh năm: 1994

Nơi cư trú: TDP NM, phường BN, thành phố CR, tỉnh KH. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà PTHH trình bày:* Bà và ông ĐCB tự nguyện chung sống từ năm 2017 và được Ủy ban nhân dân phường BN, thành phố CR, tỉnh KH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100, ngày 28 tháng 9 năm 2017. Trong quá trình chung sống, bà và ông ĐCB phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông ĐCB.

- Về con chung: Bà và ông ĐCB có 01 con chung là cháu ĐNYY, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017. Bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và không yêu cầu ông ĐCB cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông ĐCB không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 26 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông ĐCB trình bày:* Về quá trình đi đến kết hôn và chung sống với nhau, ông thống nhất với lời trình bày của bà PTHH nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Ông và bà PTHH không còn chung sống với nhau hơn 04 năm nay. Nay bà PTHH yêu cầu ly hôn ông cũng đồng ý.

- *Về con chung:* Ông và bà PTHH có 01 con chung là cháu ĐNYYN, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017. Ông đồng ý giao cháu Ycho bà PTHH nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Ông và bà PTHH không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố CR:*

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà PTHH.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Nguyên đơn PTHH đã giao nộp: Trích lục kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh ĐNYYN (bản sao); Căn cước công dân mang tên PTHH (bản sao).

- Bị đơn ĐCB đã giao nộp: Căn cước công dân mang tên ĐCB (bản photo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố CR nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CR theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà PTHH có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông ĐCB. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[1.3] Về thủ tục giải quyết vụ án:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú, địa chỉ ổn định và đã thừa nhận nghĩa vụ. Tài liệu chứng cứ đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà PTHH và ông ĐCB tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường BN, thành phố CR, tỉnh KH cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100, ngày 28 tháng 9 năm 2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà PTHH và ông ĐCB cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tại biên bản xác minh ngày 02 tháng 11 năm 2022, chính quyền địa phương không xác định rõ nguyên nhân mâu thuẫn của bà PTHH và ông ĐCB.

Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng bà PTHH và ông ĐCB đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, bà PTHH và ông ĐCB không còn chung sống với nhau nữa và đều đồng ý ly hôn. Do đó, bà PTHH yêu cầu được ly hôn với ông ĐCB là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà PTHH.

[2.2] *Về con chung:* Bà PTHH và ông ĐCB có 01 con chung là cháu ĐNYYN, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017.

Bà PTHH yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và không yêu cầu ông ĐCB cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu ĐNYYN là nữ, còn nhỏ và đang sống cùng với mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần tiếp tục giao cháu Nhi cho bà PTHH nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà PTHH đảm bảo nuôi con và không yêu cầu ông ĐCB cấp dưỡng nuôi con. Xét nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà PTHH và ông ĐCB về việc ông ĐCB không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung:* Bà PTHH và ông ĐCB không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] *Về án phí:* Bà PTHH phải nộp 150.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn” theo thủ tục rút gọn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 316, 317, 320 và 321 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà PTHH.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà PTHH được ly hôn với ông ĐCB.

2. Về con chung: Bà PTHH được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu ĐNYYN, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà PTHH và ông ĐCB về việc ông ĐCB không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Bà PTHH và ông ĐCB không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà PTHH phải nộp 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007349 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CR. Bà PTHH đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bà PTHH và ông ĐCB có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KH;
- VKSND TP. CR;
- CC THADS TP. CR;
- UBND phường BN, Tp. CR, tỉnh KH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Xuân Oanh